

Đơn vị: Sở Xây dựng Tây Ninh

Chương: 419

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo quyết định số: 74/QĐ-SXD ngày 11/7/2023 của Sở Xây dựng)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Xây dựng Tây Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II năm 2023 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý II năm 2023	Thực hiện quý II năm 2023/Dự toán năm 2023 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách PLP</u>	766	114.43	14.94%	49.99%
I	<u>Số thu PLP</u>	766	114.43	14.94%	49.99%
1	<u>Lệ phí</u>	86	46.25	53.78%	120.60%
1.1	Lệ phí cấp giấy phép giấy xây dựng	3	0.45	15.00%	75.00%
1.2	Lệ phí thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy	9	0.30	3.33%	10.53%
1.3	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề	74	45.50	61.49%	130.37%
2	<u>Phí</u>	680	68.18	10.03%	35.78%
2.1	Phí thẩm định (Dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng,...)	680	68.18	10.03%	35.78%
II	<u>Chi từ nguồn thu phí được để lại</u>	0.00	0.00	0.00%	#DIV/0!
III	<u>Số PLP nộp NSNN</u>	766.00	106.47	13.90%	47.21%
1	<u>Lệ phí</u>	86.00	46.25	53.78%	120.60%
1.1	Lệ phí cấp giấy phép giấy xây dựng	3.00	0.45	15.00%	75.00%
1.2	Lệ phí thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố phối hợp	9.00	0.30	3.33%	10.53%
1.3	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề	74.00	45.50	61.49%	130.37%
2	<u>Phí</u>	680.00	60.22	8.86%	32.17%
2.1	Phí thẩm định thiết kế	680.00	60.22	8.86%	32.17%
B	<u>Dự toán chi NSNN</u>	10,650	1,457.49	13.69%	113.70%
I	<u>Nguồn ngân sách trong nước</u>	10,650	1,457.49	13.69%	113.70%
1	<u>Chi quản lý hành chính</u>	10,252	1,372.49	13.39%	107.07%
1.1	<u>KP thực hiện chế độ tự chủ</u>	5,275	1,104.96	20.95%	99.16%
1.1.1	Chi thanh toán cá nhân	3,344	780.22	23.33%	108.40%
1.1.2	Chi tiền công theo HD 68	713	131.82	18.49%	100.89%
1.1.3	Chi nghiệp vụ - chuyên môn	1,096	192.91	17.60%	73.09%
1.1.4	KP tiết kiệm 10% chi thường xuyên (dùng làm CCTL và chính sách an sinh xã hội)	122	0.00	0.00%	#DIV/0!

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý II năm 2023	Thực hiện quý II năm 2023/Dự toán năm 2023 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (tỷ lệ %)
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	4,977	267.53	5.38%	159.74%
1.2.1	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	108	13.28	12.29%	20.96%
1.2.2	Các nhiệm vụ được giao:	4,763	254.26	5.34%	244.16%
1.2.2.1	Chi khác (Đối nội, đối ngoại)	72	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.2	Kinh phí hoạt động tổ chức Đảng	47	9.09	19.33%	#DIV/0!
1.2.2.3	KP cho CBCCC làm đầu mối KS thủ tục hành chính	16	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.4	Chi nghiệp vụ chuyên môn (lập chỉ số giá XD công trình)	135	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.5	Kinh phí quản lý chất lượng (ISO)	10	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.6	Chi phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí	180	28.61	15.89%	57.63%
1.2.2.7	BCĐ cấp nước an toàn, chống thất thu nước sạch	18	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.8	BCĐ chính sách nhà ở và thị trường Bất động sản	18	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.9	Kinh phí văn bản quy phạm pháp luật	39	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.10	KP thực hiện đơn giá xây dựng công trình, đơn giá nhân công xây dựng, Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	225	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.11	Kinh phí Tư vấn lập Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	436	87.20	20.00%	#DIV/0!
1.2.2.12	Kinh phí thực hiện Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	3,306	89.00	2.69%	#DIV/0!
1.2.2.13	Kinh phí chi hoạt động thanh tra (phát hiện, thu hồi):	90	0	0.00%	#DIV/0!
1.2.2.14	Kinh phí chi hoạt động xử phạt hành chính:	126	5.66	4.49%	29.71%
1.2.2.15	Kinh phí trang phục thanh tra	40	34.70	86.75%	97.94%
1.2.2.16	Kinh phí xử lý khiếu nại tố cáo	5	0.00	0.00%	#DIV/0!
1.2.3	KP tiết kiệm 10% chi thường xuyên (dùng làm CCTL và chính sách an sinh xã hội)	106	0.00	0.00%	#DIV/0!
2	Chi sự nghiệp kinh tế	345.10	85.00	24.63%	#DIV/0!
2.1	KP không thực hiện chế độ tự chủ	345.10	85.00	24.63%	#DIV/0!
2.1.1	Kinh phí thực hiện công tác lập quy hoạch	345.10	85.00	24.63%	#DIV/0!
3	Chi Đảm bảo xã hội	53	0	0%	#DIV/0!
3.1	Kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên Đán 2022	53	0	0%	#DIV/0!

Ngày tháng 7 năm 2023

Kế toán

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Ngọc Xuân

Nguyễn Nam Hưng

#REF!

